VI

PHẦN THỨ SÁU

NHÂN VẬT BẢN XỨ HỒI TÂY MỚI QUA

Đây phải đâu chỉ có bọn dọn bàn làm bá chủ tại Sài Gòn thuở giao thờ, khi Tây mới qua. Tiếp theo còn những giới đặc sắc nhứt. Xin xem Thơ Nam Kỳ và Thơ Nam Kỳ tiếp, bản in Nhà Dòng Tân Định năm 1903).

1. Đây là bọn hầu cận các quan Tây

Nực nồng những kẻ hoài thinh!

Tiếng Tây thông biết, tưởng vinh trong đời.

Áo vân quần nhiễu dạo chơi,

Đồi mồi lược diễu, giắt phơi trên đầu.

Xa Tào (?) Soái phủ ở đâu,

Vườn hoang múa gậy, người hầu cận quan...

(Thơ Nam Kỳ, trương 15)

Áo quần bằng vân nho xuyến nhiễu, toàn những thứ đắt tiền, phải hạng ăn to xài lớn mới dám dùng. Lược giắt đầu tóc làm bằng vảy đồi mồi có diễu vàng là trang sức cực

kỳ sang trọng thuở xưa, đến năm 1915 còn thấy dùng, nay đào mả cổ còn gặp.

Xa Tào đây chắc là xa giá hầu *Tào Tháo* (tiếng nói điệu hát bội).

Hoài thinh. Có phải chăng: "Hoài" là mang, "thinh" là thanh danh; hoài thinh là "mang danh"?

2. Và đây là mấy thầy thông ngôn ký lục

Các ông tham biện đương đàng.
Tiếng Nam người biết, điếm đàng khó qua:
Ông nào chẳng biết tiếng ta,
Ở ngoa ủ bổ, nói ra nói vào,
Quê mùa làng xóm chú nào,
Tới dinh hầu việc đã nao hết hồn.
Nên hư nhờ tiếng thông ngôn.
Đưa lên cũng phải, lấp chôn bao nài.

(cũng trương 15)

Lúc ban sơ, trong Nam Kỳ, Tây đào tạo người giúp việc bằng cách tuyển lựa học trò lớp nhứt các trường tỉnh, đem về Sài Gòn dạy dỗ tại trường d'Adran (chỗ trường Taberd bây giờ). Sinh viên được ăn ở tại trường, thêm lãnh phụ cấp mỗi tháng và xà bông giặt đồ, giày, y phục kiểu Tây mỗi năm mấy bộ: o bế như vậy, mà lúc đầu ít người dám xin học vì còn sợ triều đình ta trở lại nắm chánh quyền. Một cậu con nhà giàu tỉnh Gia Định, mướn

người đi học thế cho mình, sau này cậu trở nên "tên bán quán cơm tại cầu tàu Sóc Trăng", còn anh học trò khó chễm chệ là ông chủ quận châu thành, Đốc phủ sứ. Sinh viên trường d'Adran thi ra trường, ai đậu số cao được tự ý lựa: nếu ham ăn lương lớn (sáu đồng bạc con Ó) (piastres en argent décorées de l'Aigle Mexicain) thì bổ làm thầy giáo dạy dỗ, bằng như ham làm thông ngôn (tuy lương kém hơn, có bốn đồng bạc con Ó, nhưng còn trông cậy nơi tiền cửa sau, tiền "lì xì" và lễ lộc bưng mâm), còn lại những người không đậu nhưng hạnh kiểm tốt thì đều được thâu dụng vào các sở mới tạo lập: Trường tiền, Nhà Dây thép, sở Họa đồ,...) Xưa thầy "thông ngôn" oai lắm: chức làm "interprète" khi "đứng bàn ông Chánh" (thông dịch viên của Tham biện chủ tỉnh) thét ra khói, khi "khi đứng bàn ông Phó", làm tay sai và thông dịch viên cho Phó tham biện, hét ra lửa, ngày sau thầy thông ngôn đủ năm làm việc được thi một kỳ nữa rồi được bổ làm Huyện lên Phủ, rồi Đốc phủ sứ, làm chủ quận, đại diện cho quan Pháp trong một vùng, "oai như giặc", "oai thấu trời", "oai hơn ông ghẹ"!.

Vì kiêng kể nên dân tặng vợ các vị ấy chức "cô Thông" "cô Huyện". Chức ký lục ban sơ gọi làm vậy, nhưng sau đổi lại là "thơ ký" tức "secrétaire". Lúc đầu thơ ký tuyển trong hàng học trò lớp nhứt, chưa đỗ đạt, không cấp bằng, nhưng học lực khá, viết chữ thật đẹp và ít lỗi lầm. Vì kém vế hơn Thông ngôn, nên dân ban chức "thím ký S." hoặc "Thím S." cho bà vợ, đồng một hạng với mấy thím vợ các chủ tiệm Tàu trong Chợ Lớn. Đến khi chức thông ngôn đặc biệt chỉ dùng để gọi các thông dịch viên bên Tòa án

(interprète des tribunaux), các thầy Thông bên Tòa Bố đều liệt vào sổ "secrétaire" (thơ ký), nhưng phân biệt ra "thơ ký chánh ngạch, ngạch soái phủ" (thơ ký địa hạt" (thầy ký tỉnh, lãnh lương làng) (secrétaire régional). Khi ấy, các thím vận động và đồng hè lên chức "cô ký" rấp rấp!

Dân đời trước, đi hầu quan Tây, bên Tòa án thì chưa có trạng sư, bên Tòa bố ít có tham biện sành sỏi tiếng Việt, và mỗi mỗi đều trông cậy nơi thầy Thông ngôn, cho nên dân sợ "thầy" hơn vợ "ông râu rìa"! Thông ngôn tiếng mất tiếng còn, lợi hại vô cùng. Có lễ vật thì việc vạy hóa ngay, không lễ không tiền thì dân thấy thua kiện trước mắt. Có khi vì bất tài, mấy thầy Thông ngôn đời trước giết người không cần dao bén. Câu tòa hỏi: "Demandez au condamné s'il préfère les travaux forcés ou la peine de mort?". Dịch không suy nghĩ, câu ấy hóa ra: "Tòa hỏi anh muốn Tòa kêu án khổ sai rồi chết chém hay không?" vì thầy nghe lầm... "et la peine de mort". *Ở ngoa ủ bổ.* Tôi không hiểu trọn câu. Duy biết "ủ" là "hữu", "bổ" là "vô" (tiếng Tiều). Còn "ở ngoa" có phải "au revoir" chăng?

3) Và đây là các "vợ Tây" "me Tây" thời ấy

Lâm cơn nhờ có "Chị Hai"
Đưa vào liệu việc, bẩm ngài mới an.
Xem ra chẳng có, hứ ngang (vì chẳng có tiền kèm theo) (1)
Làm lơ chẳng bẩm cho làng làm ơn.

---

(1).... giận mà nói "hứ" không có tiền kèm theo.

Đáng vì thúc bá làm cơn,
Mầy tao, quát nạt, quăng đơn vội vàng.

(trương 15)

(Nhơn đời nào cũng vậy).

4) Còn đây là về mấy chú dọn bàn đã kể trên

Đáng thương mấy chú dọn bàn,
Nhiễu điều, giày vớ, xinh xang với đời.
Đứa nghèo bắt chước làm hơi,
Tuy người quân tử sánh chơi không bằng.
Ra vào làm bộ hung hăng,
Xét ra mới biết là thằng dọn cơm!
Kìa bầy thúi địt còn thơm!!!

(trương 15-16)

5) Đây là gái buôn hương bán phấn thời ấy

Một đêm chẳng biết mấy chồng.
Chà Và, Ma Ní cũng đồng "lội" qua!
Ngày thì hớn hở vào ra,
Ai xa xem thấy: Chị Ba ngoắt vào.
Đẹp lòng tạm bạn liễu đào,

Cửa quyền thong thả chú nào bẩm thưa.
Coi ai thất thế thơ mơ,
Thấy không cung kính vào thưa vội vàng:
Để tao nói với ông quan,
Mầy là kẻ nghịch, khám đàng chung thân.
Ai mà chẳng nghĩ thiệt hơn.
Muốn chi đặng nấy, chẳng đơn từ gì!

(trương 17)

(Hạng gái này đời nay vẫn còn)

6) Lại đây là bọn hạ cấp khiêng gánh xách đồ cho bà đầm, cho ông sơn đá hay ông đầu bếp được Tây cưng, tục danh

ba nhe = panier
ban bù = bambou

Khiến nên con đĩ phải vì,
Ba nhe lũ ấy có gì lung lăng.
Theo Tây đội thúng mua ăn.
Trả nhiều bớt ít, chưởi ngang không vì;

(trương 17)

7) Thêm bọn lính gọi "lính tập" thời ấy (tirailleur)

Nhiều bề khó nói long đong,
Ở gần lính tập hết trông ăn làm.

Đi đâu có lũ có đoàn,
Rượt gà, bắt vịt, phát hoang bí bầu.
Bán buôn chúng đã lắc đầu,
Mười tiền trả bảy, ai hầu dám kêu!

(trương 17)

8) Sau rốt là lính ma tà, ma ní và ma tà tét (1)

Đời ôi nhiều nỗi bợn nhơ;
Ma tà có chú hay quơ hay quào,
Giận ai gươm súng phao vào,
Báo quan nhà nghịch, vây rào xét coi.
Quan bèn tưởng thật dấu noi,
Phú sai đi bắt xét lòi súng ra.
Đặng tang rồi mặc ý ta,
Quơ đồ ráo cạo đoạn già dẫn đi...

(trương 18)

---

1) Khi binh Pháp sang đây, họ kéo theo đội quân I-Pha-Nho (Tây Ban Nha) cho đồng bè vấn tội vua Tự Đức giết mục sư Pháp và I-Pha-Nho. Bởi chung bọn I-Pha-Nho không đủ người, nên họ dẫn theo mớ lính thuộc địa của họ là lính mộ tại Manille-tức kinh đô quần đảo Phi Luật Tân ngày nay. Người Mã Lai (Malais) gọi người lính cảnh sát là "matamata". Do đó đẻ ra danh từ "Mã tà". Nay thấy trong *Việt Nam tự điển* hội Khai Trí: Mã tà: lính cảnh sát ở Nam Kỳ gọi theo tiếng Mã Lai. Còn danh từ "ma ta lét" là danh từ khinh bỉ của làng dao búa tặng người lính nhát gan giỏi tài "chạy tét".

Nhân vật tuy đổi chớ nhơn tâm ấy vẫn còn, cổ kim không khác mấy.

Đoạn già... Đoạn = rồi thì; *Già* = *gông*.

Đoạn già dẫn đi nghĩa là: rồi thì đóng gông dẫn đi.

*

Cái "mốt" ăn mặc hồi Tây mới qua cho đến trận châu Âu đại chiến 1914 - 1918 thì: thầy thông thầy ký, những người còn thủ cựu, gọi *phe theo Nho*, thì áo dài xuyến đen, khăn đóng "Suối đờn", giày Hạ Châu đế lót lông ngựa, gọi theo Quảng Đông là "giày mạ mị" (mã vĩ), hoặc giày "hàm ếch thêu cườm chữ ngẫu" đặt tại Gò Công. Mấy thầy tân tiến gọi *phe theo Tây*, thì bận áo bố trắng cổ đứng, nút tra chuỗi hổ phách (1), đầu đội nón "casque Secrétaire" của hiệu Paul Canavaggio sản xuất, là bảnh tẻn nhứt hạng rồi, chân thêm đi giày "ăn phón" (en France), tay xách dù lục soạn đen, cán sừng trâu, thì lại "bảnh quà xa quá xá". Khi nào được chụp hình đứng bên quan lớn Chánh thì cổ thắt "cà ra oách" (cravate), diện áo "u hoe" (veston ouvert) tay lo le điếu xì gà tẩn, thì duy có mấy cô mấy ỷ đời ấy biết cho. (2)

---

(1) Ca dao thời ấy còn nhắc: "Bành tô" (palctot) đánh chết xử huề, "Áo thun" chạy lại, đứng kề bành tô! (Bành tô ám chỉ mấy thầy, áo thun ám chỉ bồi dọn bàn...) đều là người có thế lực, đánh chết ai có thể không đền mạng.

(2) Cô là vợ mấy thầy. Ỷ (dì) là vợ chệc khách. Danh từ "bà" chưa mấy thông dụng. Thậm chí các bà vợ Tham biện cũng gọi "cô Chánh Bẹt Tanh" (Mme Bertin) "Cô Bảy đốc Công Lác" thế thôi.

Các tay dọn bàn, nấu bếp hầu cận "Ông To" thì nịt dây nịt nỉ chống một gang tay, tám nút đen phơi trước bụng, quần lục soạn trắng không vận, thời ấy chưa có dây lưng rút, lưng quần xổ ra kéo phủ lên dây nịt, gọi "vận quần theo kiểu *quần bàn*", đó là tay tổ, khuyên ai đừng ngó lâu mà ăn thoi bất tử.

Nấu bếp, dọn bàn thì đầu chít khăn nhiễu trắng, giắt lược đồi mồi, còn như mấy ông mấy thầy tự ví như bậc nho sĩ, thì chít khăn thanh (lụa xanh), chớ cũng không ai dám vượt bậc chít khăn nhiễu điều, trừ phi mấy ông già bà cả gần xuống lỗ thì dùng khăn đỏ vẫn được châm chế, không ai nói gì.

Các ỷ, các ý (1) trong Chợ Lớn thì đầu bới tóc thả bánh lái "ba vòng một ngọn", ăn trầu tích toát, để móng tay dài và mỗi lần xỉa thuốc thường vãnh ngón tay cho người ngoài thấy mình có cà rá hột xoàn bự hay bộ nhẫn vàng quấn kiểu "cửu khúc liên hườn". Trên vai mấy ỷ thường vắt một khăn vằn Nam Vang để lau trầu, khác với mấy cô vợ Tây thì quấn chuỗi hột vàng gần gãy cổ; tay đeo kiềng vàng chạm kiểu "nhứt thi nhứt họa" thêm mặc áo mớ ba mớ bảy, tóc xức dầu thơm chánh hiệu "Cô Ba".

Thú phong lưu thuở ấy là chiều chiều ngồi xe song mã hoặc đánh một vòng "Lăng Tô" (Láng Thọ nói giọng Tây), hoặc ngồi xe kéo bánh cao su đặc, ra bến tàu hóng mát. Nếu không bài bạc thì xem hát bội.

---

(1) Ỷ, ý: tiếng Triều Châu. Tức: "dì" là dì.

Vả lại kép hát chầu đó cũng là nhơn vật đáng kể, nhờ mấy ỷ, mấy thím bao bọc nên không thua người thợ bạc có tiếng là dám ăn dám xài, không kém mấy chú dọn bàn đầu bếp ông Tây.

Miệng thế gian ăn mắm ăn muối mà độc địa, đã ghi hạng tầng lớp xã hội như sau:

Mười giờ Ông Chánh về tây

Cô Ba ở lại, lấy thầy Thông ngôn.

(Biết đâu mặc dầu Ông Chánh còn tại vị, họ đã cảm nhau trước rồi).

Nhưng kết duyên cùng dân thầy là để cầu sang, sao bì:

Thông ngôn, ký lục, bạc chục không màng,

Lấy chồng thợ bạc, đeo vàng đỏ tay!

Dọn bàn, kép hát, thợ bạc, người nào cũng đua nhau lược đồi mồi, ống đót nanh heo, nhưng người chủ lò khéo tay làm gì cũng gác trên một bậc: lược diễu vàng, ống đót bịt vàng, thêm trên tay còn chiếc khâu vàng, hoặc sợi dây chuyền đồng hồ quả quít cũng vàng, hấp dẫn khác nào có ngải mê bùa lú.

Thỉnh thoảng anh kép hát bảnh trai, nhờ giọng tốt, mắt liếc đưa tình, đã chiếm tim cô gái nửa mùa. Bằng cớ là còn lại bài thi như sau:

Vịnh kép hát bội

Nhỏ mà không học lớn làm ngang.
Trống đánh ba hồi đã thấy quan!
Ra rạp ngồi trên ba đứa hiệu,
Vô buồng đứng dưới mấy ông Làng.
Mượn màu son phấn ông kia nọ,
Cởi lớp cân đai chú điếm đàng.
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng:
Đã từng trợn mắt lại phùng mang!!

TÚ QUỲ

(Chương Dân thi thoại, 1936 - Huế, tr.12)

Trong tập thi thoại kể trên, Phan Khôi tiên sinh nói rõ rằng bài thơ này là tác giả làm ra cốt ý để chỉ trích ông Nguyễn Duy Hiệu khởi binh Cần Vương ở Quảng Nam, nhưng ông thường "ỷ chức quan mà lung lạc bạn đồng sự". Biết Tú Quỳ thì ắt Phan Khôi (Chương Dân) biết rõ hơn tôi rồi, việc ấy khỏi nói. Việc đáng nói là trong bài thơ "kép hát bội", tôi nhận kỹ rất có thể Tú Quỳ mượn cớ trách mát ông bạn Nguyễn Duy Hiệu, nghĩa hiệp có thừa, nhưng còn kém đức độ, quân tử, luôn thể Tú Quỳ lấy cớ vịnh kép hát mà móc lò bọn quan "nhảy dù" thuở ấy, thơ làm được như vậy mới đắc thể cho!

Câu nào câu nấy ăn sát đề tài "kép hát bội", nhưng kỳ trung người bàng quan hiểu ngầm biết Tú Quỳ muốn nói ai nữa kìa. Nào! "Nhỏ ăn học chẳng ra gì, lớn theo

Tây tà rồi Tây phong chức cũng "ông kia ông nọ". Nhưng buổi tiệc tùng đình đám thì ngồi vếch đốc trên ba anh hương chức quèn, sướng thật, nhưng sao bì khi chầu hầu các ông bụng bự, khúm núm dưới bệ khó coi làm sao! Đành rằng "ông kia nọ" là bề ngoài, chớ bề trong khó che đậy cái dốt của chú điếm đàng vẫn phơi rành rành trước mắt mọi người. Hỏi thử con nít lên ba nó cũng biết bao nhiêu đó là Tú Quỳ mô tả hình dạng bọn "nhảy dù" chứ gì. Câu tám *Đã từng trọn mất lại phùng mang* mới là chưởi thiên hạ! Sướng con ráy quá!

*

Trong các nhơn vật sớm ra đời, cúc cung làm quan cho Pháp, đáng kể là: Tôn Thọ Tường, cai tổng Du, lãnh binh Huỳnh Công Tấn, tri phủ Trần Bá Lộc, tri phủ Nguyễn Trực, tri huyện Đỗ Hữu Phương, thông ngôn Joannès Liễu, Paul Lương và Loan (theo ông Khuông Việt, "Tôn Thọ Tường" trương 60).

Đời ông Tôn Thọ Tường và tâm sự của Tôn, nhà văn Khuông Việt đã viết thành sách. Những ông kia cũng thời thế đưa đẩy, nói ra thêm e "bứt dây động rừng". Tôi chỉ ghi lại đây những nhân vật "nẩy lửa", nhưng tạm giấu tên...

1) Ông thứ nhứt xuất thân "đội" rồi thăng tri huyện, tri phủ, rồi về hưu "hàm tổng đốc". Mộ ông này ở tỉnh Mỹ Tho, ai đi tàu gần tới xứ sản xuất cam ngon là thấy sừng sững trước đầu doi ngay khúc ngã ba sông hùng dũng.

Ông là người giữ đạo Thiên Chúa, vì căm thù vua Tự Đức bắt đạo, nên sớm ra giúp Pháp và lập rất nhiều công lớn, nhưng về già lại bị Pháp bỏ rơi. Ngoài Bắc Hà có Hoàng Cao Khải, trong Nam là có ông. Nhân vật này đã từng cùng với nhân vật nữa là Nguyễn Thân, khét tiếng miền Trung, cả hai đồng thủ vai tuồng "đánh bại Mai Xuân Thưởng" vùng Bình Định. (1).

Lính Pháp và quan võ Pháp đánh cùng binh Văn Thân cù nhầy trót một năm trời mà bình không nổi giặc. Người Pháp muốn mua chuộc nhơn tâm, nửa cương nửa nhu, khi chùng khi thẳng và không nỡ xuống tay độc thủ. Pháp bắt được địch quân thì giam vào ngục thất là cùng. Giam mãi ngục thất dầy đẫy người yêu nước, cho nên thét quan Pháp phải viện đến ông. Ông ra quân chỉ có mấy tháng mà dẹp yên vùng Thuận Khánh (Khánh Hòa, Bình Thuận).

Ông người khô ráo dong dảy, môi mỏng, cặp mắt có sát khí. Ông bắt được địch thủ, nhứt quyết không cầm tù và chỉ chặt đầu y quân lịnh: chém người như chém chuối, chém không chừa con đỏ. Các ông già bà cả, nay nghe nhắc tên ông đều thảy lắc đầu. Chính toàn quyền Paul Doumer đã hạ một câu xác đáng: "Việc ấy đã biết dư, cố nhiên là phải vậy! Nếu muốn (nhơn nghĩa) và chớ chi còn kế hoạch nào khác, thì thà đừng sai hắn cầm binh..." (2)

---

(1) Theo sách *L'Indochine (Souvenirs)* pr Paul Doumer. Vuibet et Nony, Paris, 1905, trương 162.

(2) "Il fallait s'y attendre et ne pas l'envoyer si on voulait et si on pouvait faire autrement" *(L'Indochine - Souvenirs* par P.Doumer. trương 60)

Ngày nay còn nghe nhắc những phương pháp quá bạo tàn:

Để đối phó với các địch binh không khứng ra quy thuận và thường ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc, có một cách tuyệt đối:

Sai bắt cha mẹ vợ con của người ấy, đóng gông cầm tù. Một mặt bố cáo trong ngoài kỳ hạn bao nhiêu ngày, phải ra nạp mạng. Bằng không thì:

- Cha, mẹ, và vợ, bêu đầu làm lịnh;

- Trẻ con thì bỏ vào lòng cối giã gạo, sai lính dùng chày lớn quết ra như quết nem!

- Đối với phạm nhơn tội không đáng chết, có khi cũng cho thân nhơn lãnh về. Mà đây là một đau lòng khác nữa.

Trò chơi ác độc là bỏ người đàn ông vào nón lá nóp bàng, mỗi người một nóp may bít đầu đuôi, chỉ chừa một lỗ để lọt "bộ đồ kín" ra ngoài, đàn bà nào nhìn được "của riêng" thì lãnh được chồng về!

Néron là bạo quân tàn nhẫn, Lê Ngọa triều cũng bạo chúa xú danh, còn chưa nghĩ ra việc này!

Có một hôm, ra đường nghe một đứa nhỏ lên năm, chưởi cha mắng mẹ. Sai bắt đứa trẻ, bỏ nhịn đói suốt ngày, xế chiều sai lính đưa cho trẻ một chén cơm canh và một đôi đũa thứ ngày xưa, một đầu xanh một đầu đỏ. Đũa này thường dùng đầu đỏ và cơm, đầu xanh chỉ dùng khi có tang. Đứa nhỏ cầm đũa so ngay ngắn, để đầu đỏ xuống

dưới, cẩn thận. Lên án: tuổi thơ mà đã có trí khôn. Phàm đã khôn thì không phép mắng chưởi người sanh đẻ ra mình: Quết! Quết cho tuyệt những thứ phản cha phản mẹ!

Chuyện không đích xác, không dám chắc có quả như vậy chăng, chép ra đây như một tài liệu buổi trà dư, không quên đánh dấu hỏi thật lớn (?).

Dẹp xong giặc, được thăng Tổng đốc và được ban đệ tam đẳng Bắc đẩu bội tinh (Commandeur de la Légion d'Honneur), nhưng chim dữ hết thì ná treo đầu tường, Pháp ngán nên không dùng nữa.

Năm 1899, Toàn quyền Doumer thân hành từ Sài Gòn đỗ đường xuống nhà thăm, thì đã gần miền, chỉ mấy tháng sau là nhắm mắt. Lạ kỳ là trối trăng dạy chôn "đứng". Ma chay linh đình suốt mấy chục ngày dài, mỗi bữa ngã bò vật heo thết trên ngàn miệng ăn. Quan tài đặt xuống huyệt có lính tập bồng súng chào, đủ mặt quan Lang sa dự đám (Paul Doumer. *Souvenirs,* trương 59-62).

Con trai ăn học bên Pháp, về làm quan ít lâu, cũng khét tiếng như cha, bây giờ chợ Sa Đéc nhà vuông làng Tân Quy Đông còn truyền tụng câu liễn:

Tân thị Mỹ Thành, chánh bổ Lục Na (1) công sáng tạo,

Quy dân lạc lợi, Huỳnh đường Trần Bá Thọ kinh dinh.

Có dịch tập *Nhị thập tứ hiếu* ra Pháp văn và quốc

(1) Tên một tham biện Pháp, không rõ chánh tả viết ra sao.

ngữ. Sau ra làm hội đồng quản hạt (conseiller colonial), dám ăn dám nói, Doumer nhìn nhận người Pháp không bì. Buồn rầu việc tư, tự tử bằng súng lục.

2) Nhân vật thứ hai của đất Sài Gòn, là một hàm Tổng đốc có tên đặt một con đường thị tứ nhứt tại Chợ Lớn.

Có tiếng là "hiền" hơn ông kia. Người nẫm thấp, phốp pháp, râu bạc le the, râu mép để ngạch trê vuốt sáp nhọn quớt như cặp sừng trâu. Về già ưa đón đưa tân khách Pháp đãi rượu sâm banh (champagne), cho ăn bánh Petit beurre thứ de Nantes chánh hiệu.

Nhà dọn nửa Tây nửa Ta, năm căn đố lương thành vọng gỗ quý chạm lọng khéo léo, trước nhà có sân rộng chưng toàn cây kiểng gốc (cây thế), ngó mặt ra một con kinh đã lấp. Doumer tả hình trạng đã viết một câu ngộ nghĩnh: "Người ông giống hệt nhà ông: ngoài bày y phục Pha Lang Sa, trong giữ phong tục bản xứ" (1)

Ngôi nhà này đã dỡ, đất thì bán cho khách Tàu xây nhà chọc trời làm tửu quán, cao lầu và rạp ciné. Chỉ chừa một khuỷnh để làm nơi thờ phượng. Mấy chục năm về trước, cờ bạc còn thạnh hành, vua đổ bác, "Thầy Sáu Ngọ" nhiều tiền, mướn đất làm chỗ hốt me ăn thua ức vạn. Nghĩ cho con cháu rân rát, đỗ đạt thành danh, mà từ đường chứa đầy tiếng thô tục, nước bọt và đàm xanh, có phải

(1) Il ressemble à sa maison, ayant pris le costume français pour ses relations extérieures et conservant les moeursindigènes" P.Doumer *Souvenirs*... trương 67).

chăng là căn quả?

Tiếng rằng "hiền", là hiền hơn ông kia, chớ xét ra một đời mâu thuẫn: Lấy một tỷ dụ là đối với Thủ Khoa Huân. Che chở cũng y, đem về nhà đảm bảo và cấp dưỡng cũng y, mà rồi bắt nạp cho Tây hành hình, cũng y nốt.

Xuất thân hộ trưởng, biết chữ nho, sớm ra đầu và làm tay sai đắc lực cho Pháp.

Thuở ấy, nói tiếng Tây, ba xí ba tú, đâu có "ngon lành" như đời bây giờ. Sự ấy cố nhiên. Nhưng có một giai thoại như sau, tôi chép ra, nhưng xin cô bác đừng hỏi nhiều vì không bảo lãnh đúng sự thật.

Tương truyền vào một dịp đầu xuân, đem dâng cho một quan Lang sa quà Tết: một con dê xồm béo mỡ kịp đúc lò đêm giao thừa. Quan hỏi: "Con gì? Ông cho tôi con gì đó?"

Quýnh quá quên phức, không nhớ rõ "bouc" hay "chèvre", thôi thì tả hình dạng nó cũng được: "Lũy mêm xối xiên" "dà na bắp" "dà na cót" (même chose chien, il y a barbe, il y a corne). Câu nầy đúng nguyên văn hay chăng, tôi không dám chắc. Điều tôi dám chắc là quan đút lò "dê xồm" ăn ngon lành và từ đó câu kia đã để đời trở nên bất hủ. Gần đây trong Nam còn ưa nói với nhau thành ngữ "mêm xói xiên" để thế từ ngữ "đồng một thể như nhau".

Một giai thoại nữa:

Tết Nguyên đán. Nhà ấy ra câu đối có treo giải thưởng. Câu đối ra như vầy:

Đất Chợ Lớn có nhà họ Đỗ,

Đỗ một nhà: Ngũ phước tam đa. (1)

Không biết quả thật chăng, về sau có người gởi đến câu đáp như vầy, nhưng không nhận thưởng:

Cù lao Rồng, có lũ thằng phung.

Phung một lũ: Cửu trùng bát nhã (2)

Cố nhiên không ai dám nhận mình là tác giả câu nầy.

Người chép ra đây càng cẩn thận hơn, không cam đoan câu ấy do ai đã học lại.

3) Nhơn vật thứ ba, kịch liệt nhứt thời, là Huỳnh Công Tấn. Người tỉnh Gò Công, nay còn thạch trụ trước chợ bêu danh. Ban đầu chống Pháp, sau về làng, dâng lễ ra mắt bằng cách bắn gãy xương sống ông Lãnh binh Trương Công Định. Pháp ghi công cất nhắc lên Lãnh binh tân trào.

Khi lâm chung, ông Tôn Thọ Tường điếu:

Phú quới thị thảng lai, oanh liệt hùng tâm khinh nhứt trịch,

Thinh danh ưng bất hủ, ức dương công luận phú thiên thu.

(Giàu sang ấy thoáng qua, lừng lẫy hùng tâm khinh

(1) Một nhà hiển đạt: năm trai đậu cao quan lớn, ba gái chồng sang trong.

một ném,

Tiếng tăm đành chẳng mục, chê khen công luận phú ngàn năm).

Con trai Huỳnh Công Miêng, du học bên Pháp, về xứ lúc đầu theo Phủ Trần Bá Lộc, đánh với giặc "Văn Thân" ngoài Thuận Khánh. Sau nầy nghĩ sao không rõ mà không nhận chức gì, chỉ ngao du ăn xài theo bực công tử. Đi khắp Lục Tỉnh, đi đến đâu, ưa đánh lộn bênh vực người mắc nạn, hết tiền vô quan Tây "mượn xài". Quan nể tình cũ ông cha, hằng trợ giúp và dầu phạm pháp cũng không bắt tội. Khi chết được đời nhắc tên trong *Vè cậu Hai Miêng* dưới danh từ ngộ nghĩnh "Lưu linh miễn tử". Chí ngày nay, Ông già bà cả gặp ai hành động ngang tàng mà không bị tội, ưa nói: "Bộ thằng đó là *lưu linh miễn tử* hay sao mà!"

Đó là những nhân vật xuất thân võ biền. Còn sau đây là những nhơn vật biết thừa cơ hội trở nên cự phú, hoặc giữ chí thanh cao cam tâm làm học giả suốt đời, tuy nghèo nhưng trong sạch và được kính mến.

4) TRẦN NGƯƠN VỊ: Người tỉnh Long Xuyên, Bát phẩm cựu trào, tục danh "Ông Hạp". Sang triều Pháp, thăng lần Đốc phủ sứ. Sở dĩ ghi tên lại đây vì là thân sinh vị trạng sư đầu tiên nước Nam. Trần Ngươn Hanh, đã từng dạy Hán học Trường Ngôn ngữ Đông Phương (Ecole des langues Orientales), và vì có nhà trên đường Trần Hưng Đạo cận nhà ông Tôn Thọ Tường ở mé sông đường Cầu Kho.

5) TRƯƠNG VĨNH KÝ, tự SĨ TẢI, TRƯƠNG MINH

KÝ, tự THẾ TẢI, HUỲNH TỊNH CỦA, tự TỊNH TRAI.

Đây là ba nhà học giả trong Nam, tiểu sử nhiều nơi đã ghi rõ ràng nên không chép lại. Ông Sĩ Tải nhà ở chỗ nền nhà bà Đốc phủ Phải, đường Trần Hưng Đạo, nơi đây nay là xưởng dạy cắt may y phục Âu Tây (trại Yên Thế). Ông Thế Tải, dòng dõi ông Trương Minh Giảng là người từng cầm binh oai trấn xứ Cao Miên, nhà ở đường Đoàn Thị Điểm, con cháu còn rân rát. Ông Tịnh Trai, người Phước Tuy (Bà Rịa), xuất thân thông ngôn chữ La Tinh, có nhờ ông Tôn Thọ Tường chỉ biểu thêm chữ Nho, tác giả *Đại Nam quốc âm tự vị,* nay còn hữu dụng, nhà trên xóm Tân Định. (1)

Ba ông minh triết bảo thân, gần bùn chẳng nhuốm mùi bùn, không ham "đục nước béo cò" như ai, chỉ say đạo lý và học hỏi, sống đất Tào mà lòng giữ Hán, thác không tiếng nhơ, thấy đó mà mừng thầm nước nhà những cơn ba đào sóng gió còn hiếm người xứng danh học trò cửa Khổng.

Nghĩ cho tay dao tay súng làm nên sự nghiệp như những nhà kia, nhưng khi nhắm mắt, sự nghiệp hoen ố lụn bại, sao bằng một ngòi bút, một nghiên mực, sự nghiệp văn chương trường cửu của ba ông tiền bối này mới thật quý và thơm.

6) Sài Gòn có bốn nhà giàu gộc: nhứt Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định. Nhứt Sĩ là ông Lê Phát Đạt. Người Cầu Kho, thuở nhỏ tên Sĩ. Nhơn qua học La Tinh ở Cù lao

---

(1) Ngày 1er Avril 1961, cụ Trương Vĩnh Tống gọi điện thoại, khen tác giả viết "vui" và cho biết nhà ông Huỳnh Tịnh Của xưa ở xóm Cầu Kho, khi nhỏ cụ thường theo thân sinh là cụ Trương Vĩnh Ký đến nhà nên nhớ rõ. (V.H.S)

Pénang gặp thầy trùng tên nên đổi lại là Đạt. Tuy vậy đời vẫn quen gọi theo tên cũ (Nhà thờ Huyện Sĩ).

Xuất thân thông ngôn chữ La tinh. (Thời ấy, đạo tạo nhơn viên thông thạo chữ và tiếng Pháp chưa kịp, nên phải dùng người ở trường nhà Dòng ra, học chữ La tinh và chữ Hán và chữ Quốc ngữ do trường Pénang (có lưu gót cũ của Bá Đa Lộc) do các thầy tu dạy và điều khiển).

Ông làm việc nhiều năm tại Tân An. Tương truyền buổi đầu, Tây mới qua, dân cư tản mác, Pháp phát mãi ruộng đất vô thừa nhận, giá bán rẻ mạt mà vẫn không có người đấu giá (1). Thế rồi, ép nài ông, ông bất đắc dĩ chạy bạc mua liều, nào ngờ vận đỏ, ruộng trúng mùa liên tiếp mấy năm liền, ông trở nên giàu hụ. Trong nhà, có treo câu đối dạy đời:

Cần dữ kiệm, trị gia thượng sách,

Nhẫn nhi hòa, xử thế lương đồ.

Khi từ trần, xác chôn giữa Thánh đường Chợ Đũi (2), do ông xuất tiền - trên ba mươi muôn bạc, bạc thời ấy,

(1) Đất Sài Gòn ngày nay mỗi thước vuông, chỗ địa thế tốt giá trên hai ngàn bạc cũng là thường sự. Không bì những năm xưa, mỗi thước một hai đồng bạc, năm ba đồng hào, mà không có tiền mua sắm. Còn nói gì hồi Tây qua, nghe nói lại, những chủ cũ đồng hè bỏ đất, không nhìn nhận, vì nhận e nỗi quan và triều đình Huế khép tội theo chánh phủ Pháp. Vả lại, cũng ước ao một ngày kia Tây bại trận rút lui, chừng đó ai về chỗ nấy, hấp tấp làm chi cho mang tội... Không dè bởi đất không ai nhìn, nên Pháp lập hội đồng thành phố, ủy ban điền thổ rồi đưa nhau đi khám xét từng vùng. Đến chỗ nào địa thế tốt, thì những hội viên bản xứ nhìn là của mình: "Ùy" (oui) một tiếng! Đến chỗ nào nê địa thì lắc đầu, tiếp theo nói "No" (non", một tiếng! Chung quy chỉ học hai tiếng "Ùy" "No" mà có ông lập nghiệp truyền tử lưu tôn. Năm trước tại Sa Đéc, tôi hầu chuyện một bực lão thành, ông Phủ Tân Hàm Ninh, nay đã quá vãng. Ông từng ngồi chủ quận hạt Gò Công. Ông

và hiến đất xây nên.

Nhì Phương: tức Đỗ Hữu Phương Chợ Lớn. Đã nói rồi đoạn trước. Sự nghiệp trở nên đồ sộ nhứt nhì trong xứ, phần lớn do tay phu nhơn Trần Thị gây dựng. Bà giỏi tài đảm đang nội trợ, một tay quán xuyến trong ngoài, làm của đẻ ra thêm mãi, lại được trường thọ, mất sau chồng.

Tam Xường: tục danh "Hộ Xường" tên thiệt là Lý Tường Quan, tự "Phước Trai", gốc người Minh Hương. Thông ngôn xuất thân. Sớm sớm xin thôi, ra lãnh thầu cung cấp vật dụng thức ăn cho thị xã. Nhờ khéo tay thêm phùng thời, cự phú không mấy hồi. Còn nhà thấp năm căn nữa xưa nữa nay tọa lạc đường Khổng Tử. Vòng rào sắt trước ngõ chứng rằng mặt tiền ngó ra kinh có lẽ trước kia cao ráo, nay kinh đã lấp, thế vào đây là con đường cái, thềm lộ bồi đất cao hơn sân nhà, thành thử sân như sâu xuống và vuông nhà đã thấp nay thấy càng lụp xụp.

Chủ nhà mất đã lâu. Gia tài kếch xù, con cái nhiều dòng, phần ăn chia chưa xong.

Tứ Định là Hộ Định. Làm Hộ trưởng, họ Trần (?). Nhà ở khoảng giữa đường Trần Thanh Cần, gần dốc cầu Palikao một đầu và gần chợ Quách Đàm một đầu. Ngôi

---

nói: "Trận bão năm Giáp Thìn (1904) xảy ra ngày 1 tháng 5, gió thổi mạnh từ 10 giờ sáng đến 10 giờ đêm, nước lụt người trôi, đất Gò Công bỏ hoang vô số kể. Mặc tình ai đủ can đảm chịu ra mặt đóng thuế thì làm chủ chánh thức". Tuy vậy, ông Phủ tiếp, mà có ai thèm đâu. Họ chỉ lo vớt thây ma lột vòng vàng ăn sốt dẻo còn hơn tham đất ruộng, rủi thời không tiền đóng thuế mắc nợ ở tù khổ thân vô ích".

(2) Tục danh "Nhà thờ Huyện Sĩ".

nhà năm căn trệt chạm trổ thật khéo, cột cẩm lai bóng ngời ngó thấy mặt; trong nhà vật dụng từ khí từ cái bàn, cái ghế, cái đôn sành đều có vẻ cũ xưa. Mấy năm trước chính mắt tôi còn thấy làu làu vững chắc tuy khuỷnh vườn sân trước đã bị cắt xén sát mặt tiền nhường chỗ làm thềm và đường cái nay mở rộng nên lấp kinh. Gần đây, vì đất chợ cao giá nên tuy nhà lập làm phần hương hỏa mà con cháu đã bán và dỡ đi. Thay vào đó là một dãy phố lầu tiệm buôn khách trú. Phần hoa lợi tuy có thêm, nhưng thiệt hại phần cổ tích từ đây và cứ theo đà nầy, đô thành Sài Gòn ngày một mất dần những dấu vết xưa.

Sau đây, tôi xin lựa và kể tiếp vài nhân vật bản xứ có tánh cách thật điển hình, để rồi bắt qua khảo về nhơn vật ngoại quốc, chớ tự xét không đủ tài và cũng không tiện trong một tập nhỏ khảo về Sài Gòn, mà liệt kê cho đầy đủ những người cũ của bản xứ Sài Gòn xưa, một lẽ là như thế công việc sẽ rườm rà mất hứng thú, lẽ khác là làm lạc hướng tập khảo cứu này, (1).

Nhơn vật điển hình, theo tôi, tưởng nên kể sơ quý ông:

- Một nhơn vật đại diện nhóm trí thức, ông Diệp Văn Cương.

(1) Bộ "Điếu Cổ Hạ Kim" của Nguyễn Liên Phong soạn năm 1915, có chia ra phần nhứt "điếu" những danh nhơn quá vãng, phần nhì "khánh hạ" những nhơn vật đương thời (1915). Tác giả có ý kiến rất sớm và làm việc sưu tầm này với rất nhiều trở ngại. Nhơn vật được nêu tên rất sụt sè có khi vì hiểu lầm không khứng cho phép, thành thử còn thiếu sót khá nhiều. Đây là một bộ sách ít ai giữ được và trở nên bộ sưu tập phẩm hiếm có của những người chơi sách.

- Ba nhơn vật đại diện nhóm kinh doanh thương mãi và kỹ nghệ: Đinh Thái Sơn, Nguyễn Văn Của, Nguyễn Văn Viết.

- Các nhà văn nhà báo đặc sắc.

- Một vài thân hào có tiếng tăm.

7) Đại diện điển hình nhóm trí thức là ông Diệp Văn Cương, tự Thọ Sơn, về sau thấy ký tên các sách xuất bản lấy hiệu "Yên Sa" vì ông quê quán làng An Nhơn (Gia Định) (1). Thuở nhỏ tân cần khổ sở, nhưng học hay. Sớm đỗ bằng trung học, chánh phủ Pháp cấp học bổng cho sang Pháp học tập thêm, đỗ tú tài đôi, trở về dạy trường Chasseloup-Laubat, tục danh "Trường Bổn quốc". Toàn quyền Paul Bert mến tài đưa ra giúp việc ngoài Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Đức Đồng Khánh chọn làm thầy, dạy vua học. Một bà công chúa, con đức Thoại Thái Vương Hồng Y, để mắt xanh và hạ sanh ông Diệp Văn Kỳ. (Diệp Văn Kỳ là nhà báo kỳ cựu trong Nam, đỗ cử nhơn Pháp, dám ăn dám nói, sau theo Nhựt và chết không tên tuổi, tiếc thay). Vua Thành Thái nối ngôi cho ông về Nam. Về đây ông làm Đầu Phòng Phiên dịch nhiều năm vì ông có Pháp tịch, thêm làu thông Hán tự, văn pháp ông khỏi nói, đời

(1) Tiếng tăm lừng lẫy mà ông chỉ để lại có vài tác phẩm thuộc loại sách hiếm có. 1) *Syllabaire quốc ngữ* (sách vần quốc ngữ) par Diệp Văn Cương interprète du Gouvernement. Saigon, Phát Toán. 55-57 rue d'Ormay, Juin 1909, 2) *Recueil de morale annamite par Yên Sa Diệp Văn Cương, Sai gon, Imprimerie de l'Union, 157 rue Catinat, 1917, 3) Tập phong hóa dịch ra quốc ngữ (nhưng tôi không thấy bán). Năm 1966, nhơn dịp ra Huế, một ông bạn chỉ cho tôi xem nền nhà cũ của Diệp Văn Cương ở Gia Hội và gọi cụ là "chồng của Mệ Kim". V.H.S.*

ấy là số một! Gần tuổi về hưu, ông trở lại dạy Sử học và Việt văn trường Chasseloup-Laubat như trước. Kẻ viết bài này khi còn học lớp dưới, đã từng đứng nghe lóm ngoài cửa và ân hận không được thọ giáo cùng ông. Khoảng năm 1919, dạy Sử học, ông lấy Sử diễn ca Lê Ngọc Cát ra bình chú, dạy Việt văn ông biết đem những đoạn xuất sắc trong Kiều, *Lục Vân Tiên* và *Chinh phụ ngâm* ra giải thích cũng là mới lạ. Người ông nẫm thấp hùng vĩ, lịch duyệt Bắc Nam, ông ngâm thi sang sảng, nói tiếng Tây rất "giòn", bình sanh sở thích hát bội, roi chầu bóng bẩy rất mực phong lưu, tuồng hát nằm lòng, cô đào anh kép phục sát đất! Vãn hát ông rước luôn đào để y phục và áo mão về nhà hát lại ông thưởng thức riêng!

Tánh tình cứng cỏi, thẳng thắn, quen việc xưng hô chốn triều đô. Học trò rắc rối phải gọi "Quan Lớn", nhưng thuở ấy không lấy đó làm chướng tai. Nực cười sĩ tử trường T. qua dự thi bằng thành chung gặp ông làm giám khảo, chúng gọi Diệp tiên sanh bằng "ông", tiên sanh cười gằn: "Về hỏi cha mầy dám gọi tao bằng "ông" hay chăng, hà huống là mầy?". Tuy vậy, ông không tiểu tâm và học trò trường lạ đáp trúng, ông cho điểm tột bực. Được chỗ hay thường thích kiếm chuyện gây gổ với người da trắng, lấy đó làm sung sướng, và luôn luôn cư xử địch thể với quan "mẫu quốc", không nhịn bước nào. Tây tà đều ngán và lánh ông vì sợ ông làm mất mặt.

8) Ba đại diện thương mãi, ấn loát, khuyết trương kinh tế thì đặc sắc nhất là có:

- *Đinh Thái Sơn:* Ông gốc người Nghệ An vào Nam

thuở nhỏ. Cha mẹ theo đạo Thiên Chúa đã nhiều đời. Ông xuất thân học nghề đóng sách tại nhà in Thánh đường họ Tân Định. Ông nhờ ông Trương Vĩnh Ký thương nên xin giùm cho lãnh đóng sách của Kho sách chánh phủ. Vì ông Câu Toán gả con gái cho, về sau nhớ ơn, lập ra nhà in và bán sách, sửa xe "máy", sửa súng, sửa đèn manchon, lại cũng lãnh mua giùm những món hàng Sài Gòn cho thân chủ ở Lục Tỉnh, gởi hàng theo Nhà Dây thép bằng cách lãnh hóa giao ngân mới mẻ dân ta chưa thấy người biết sử dụng. Nhà sách "Phát Toán" ở đường d'Ormay, về sau ông nhường cho bạn là ông Joseph Nguyễn Văn Viết, ngày nay còn phát đạt và ở y chỗ cũ. Đinh Thái Sơn tách ra hùn vốn với ông Lê Phát An, có ông Lê Văn Nghi làm đại diện, mở ba căn "Ấn thơ cuộc" tại đường Catinat số 157 và dịch hai chữ "Đồng Hiệp" ra tiếng Pháp lấy hiệu "Imprimerie de l'Union".

Về sau, nhà in "de l'Union" sang tên cho ông Nguyễn Văn Của, từng dưới làm nhà sách, trên lầu cho mướn phòng ngủ. Sau rốt nhà in "de l'Union" từ 157 đường Catinat, dời qua nhà mới tạo ở gần trường học Taberd, ngó mặt quả hông Sở Bưu điện chánh. Nay đã đổi qua nhà buôn ngoại quốc.

- *Nguyễn Văn Viết:* Ông Jh. Viết bước vào thương nghiệp công nghệ từ năm 1900. Kế đó ông nối nghiệp ông Đinh Thái Sơn, in truyện đóng sách, cần cù nhiều năm gầy dựng sự nghiệp lớn để lại con cháu tiếp tục cho đến ngày rày.

- *Nguyễn Văn Của*: Thuở nhỏ kiệm cần khổ sở. Từng nghe nói lại rằng lúc ấu thơ, ông không ngần ngại xách đèn lồng theo chị đi bán rong đêm khuya mới đủ sống, cơ cực vô ngần. Thế mà mấy chục năm sau ai ai cũng biết danh ông. Một đặc sắc nữa là cho đến ngày tỵ trần ông chỉ làm "Ông Huyện Của" (tước Hàm) và đào tạo rất nhiều Phủ và Đốc phủ danh dự. Ông là thân sinh tướng Nguyễn Viết Xuân (trào Bảo Đại).

9) Nay kể qua các nhà văn, nhà báo kỳ cựu nhứt trong Nam, nhớ vị nào thì viết ra đây, không nhứt thiết định sắp theo thâm niên cùng thứ tự, thì đại khái thuở ấy có:

- *Gia Định báo* là xưa hơn cả. Ra đời 1-4-1865 dưới sự điều khiển của ông Ernest Potteaux, qua đến 16-9-1869 giao về ông Trương Vĩnh Ký, ông là tổ nghề báo quốc văn ta vậy. Ngộ hơn hết là trong cái ô chừa đợi chữ ký của người quản lý, thuở ấy không dịch "gérant" mà viết là ***kẻ làm nhựt trình.***

- ***Phan Yên*** báo do ông Diệp Văn Cương biên tập.

- ***Nông Cổ Mín Đàm,*** ra đời năm 1901. Lương Khắc Ninh tự Dũ Thúc làm chủ bút, rồi đến lượt Gilbert Trần Chánh Chiếu, Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn Văn Kiều bút tự Lão Nhạc, Nguyễn Đồng Trụ, Lê Văn Trung, Nguyễn Thành Phương phụ bút v.v...

- *Nữ giới chung* của bà Sương Nguyệt Anh, con gái Đồ Chiểu, sau về tay Nguyễn Thành Út làm chủ bút.

- *Thông loại khóa trình* (miscellanées) của ông Trương

Vĩnh Ký (1888-1889), chuyên về sưu tập các văn Nôm xưa; (sau đổi tên lại là "Sự loại thông khảo").

- *Nhựt báo tỉnh.*

- Nam trung nhựt báo của Nguyễn Tử Thức, chủ bút; Lê Sum, phụ bút.

- *Đông Pháp thời báo*, trước chủ bút là Nguyễn Kim Đính, sau giao về Diệp Văn Kỳ (con của Diệp Văn Cương), ít lâu đổi làm tờ *Thần Chung*, dưới sự cộng tác đắc lực của nhóm Nguyễn Văn Bá, giáo sư xuất thân Trường Sư phạm Hà Nội, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Đào Trinh Nhất, Trần Huy Liệu, Phan Khôi, v.v...

- *Công luận báo* của Nguyễn Kim Đính.

- *Phụ nữ tân văn* của Nguyễn Đức Nhuận và nhóm Phan Khôi.

- Rồi đến những nào *Trung lập báo* (Phi Vân Trần Văn Chim); *Nhật tân báo* 1926 (Cao Hải Để); *Sư phạm học khoa* (nhà in Nguyễn Văn Của); *Trong Khuê Phòng* (Lê Thành Tường) (1934) (Chủ bút: Lương Đình Thiệu) v.v...

Ngoài các tay viết báo, còn những ông túc nho ẩn sĩ, kẻ chuyên tâm dịch truyện Tàu, người soạn tiểu thuyết; Trần Phong Sắc tự Đằng Huy, Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn An Khương (thân phụ Nguyễn An Ninh), Nguyễn An Cư (thúc phụ Nguyễn An Ninh) (cũng một tay hốt thuốc có danh), Nguyễn Viên Kiều tự Lão Ngạc, Nguyễn Thành Phương (người Trà Vinh), Lê Hoàng Mưu tự Mộng Huê Lầu, Nguyễn Thành Úc, Lê Sum tự Trường Mậu, v.v...

Những người nầy ưa tựu góc đường Thủ Khoa Huân, tại nhà hát Cửu Long Giang (Pháp gọi là Hôtle du Mékong) hoặc tại khách sạn Nam Hồng Phát trên con đường Lê Lợi. Cốc ắp xanh hai cắc bạc, bữa cơm Tây vì vèo bốn món tám cắc, rượu tính riêng (vin mousseux hiệu Veuve Amiot chỉ có chín cắc một chai lớn). Nguyễn An Khương có nhà trên Hốc Môn, đứng lập tiệm Chiêu Nam Lầu, từng dưới cô của Nguyễn An Ninh đứng cắt may áo dài, từng trên chứa khách đến tá túc, phần đông là hội viên kín của nhóm "Đông Kinh Nghĩa Thục" và phe Cường Để. Thuở chúng tôi mới chân ướt chân ráo lên Sài Gòn khoảng năm 1919, còn thấy mỗi chiều dạng một người đàn bà trọng tuổi, dong dảy dễ coi, đứng trong phố sai trẻ, hoặc ngồi trên sập ván cắt cắt may may. Hỏi ra mới biết đây là cô ruột của Nguyễn An Ninh. Nay bà đã vui chơi tiên cảnh, nhà phố bà ở, nhớ mài mại thì một dãy với các tiệm Chà bán vải, lối rạp chiếu bóng Nguyễn Huệ hiện thời. Tiếc thay chỗ này không được kỷ niệm lại bằng một tấm "lắc" cẩm thạch để đời, gương một tiết phụ biết ái quốc thương nòi, tấm "lắc" không cần dài dòng, miễn viết, "Đây là chỗ cũ tiệm Chiêu Nam Lầu từng chứa nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục" (19...19), tưởng như vậy cũng đủ!

10) Những người lỗi lạc, vượt mức quần chúng trong vài giới khác lạ hơn thường.

Bà Lưu Thị Ngoạn, tục danh "Cô Ba Ngoạn", làm chủ một gánh hát bội, đào tạo nhiều đào kép nay còn để tiếng nhắc đời (đào Năm Nhỏ, dâu của bà, hát đứng cặp với kép Hai Thắng (sau nầy là Bầu Thắng) thì không ai bì kịp. Đồng thời còn kép Sáu Ất xuất sắc vai Dự Nhượng và

vai Quan Công, kép Cang giỏi vai Trương Phi, đều là kép đào hữu hạng, không kém các đào kép Đào Bổn, Đào Chung, ông Tư Nhựt lớp trước.

Chợ Lớn có bà Tám Đội quen gọi "Cô Tám" cũng chủ gánh hát bội hữu danh, không sút gánh "Cô Ba Ngoạn", thêm có rạp hát riêng, sự nghiệp đồ sộ, nhà lầu, vườn cao su, hột xoàn cả ô, khi bà nhắm mắt, sự nghiệp cũng tiêu tan theo gió.

Đường Hồ Văn Ngà chỗ rạp chiếu bóng Rex, xưa có ông Ninh dựng rạp hát bội tại đây. Tên ông là Lương Khắc Ninh, tự Dũ Thúc, vừa nhà văn, soạn tuồng, viết báo, vừa làm bầu gánh hát, vừa kèm chức nghị viên quản hạt, nên ông được tặng nhiều chức hiệu: Bầu Ninh, Hội đồng Ninh, cũng một người.

Trong giới huê khôi, nghe nhắc lại, trước kia, hồi Tây mới đến, có cô Ba, con gái thầy thông Chánh, là đẹp không ai bì; đẹp tự nhiên, không răng giả, không ngực cao su nhơn tạo, tóc dài chấm gót, bới ba vòng một ngọn, mướt mượt và thơm phức dầu dừa mới thắng, đẹp không vì phấn son giả tạo, đẹp đến nỗi Nhà nước in hình vào con tem Nhà Thơ Dây thép (Bưu điện), và một hiệu buôn xà bông xin phép họa hình làm mẫu rao hàng: xà bông "Cô Ba" muốn biết danh tiếng cỡ nào xin ráng tìm các bà cỡ 1900 hỏi lại! Lối năm 1923 đến 1935, có các cô Ba Trà, Tư Nhị, Sáu Hương, Hai Thời, v.v... đua nhau bán dạng thuyền quyên, báo hại Bạch Công tử, Hắc Công tử, Công tử Bạc Liêu, Công tử Cầu Ngang (Trà Vinh) kình nhau phá nhà của cha mẹ để lại. (Ông cha các cậu, kẻ giàu ruộng "cò bay

thẳng cánh", người giàu nhờ ruộng muối miệt Bạc Liêu, (một ngày nắng tốt huê lợi đến năm ngàn đồng bạc, bạc thời ấy, như chơi). Chiều chiều các cô lượn đảo trên các đường phố, hết Chợ Bến Thành đến Catinat, xe Delage mui trần, tài xế vận y phục nhà có dấu hiệu, hay xe Hoa Kỳ "cắt chỉ" mới trong hãng lấy ra buổi sớm. Các cô thi đua trên đường nhựa, lên Thủ Đức ăn nem hoặc đến tắm suối Xuân Trường. Các cậu không sẵn xe, các thầy phong lưu, ông còm mi bột "chơi bời" cũng không chịu sút nước ăn xài của các công tử mũi trắng. Xe song mã chạy mát, mỗi giờ hai đồng bạc, xe lô ca xông mỗi cuốc Sài Gòn Thủ Đức đầu tháng là năm đồng, cuối tháng cạn xu mời mọc ba đồng cũng được! Tối lại dưới bóng đèn, các cô như bướm tề tựu đủ mặt cạnh sòng bài sòng me, hoặc năm ba gầy mâm hút có đàn ca giúp vui, báo hại các cậu con chủ điền muốn lên mặt với chị em đành phải trốn về bán lúa vay bạc Chà, cố cầm sự nghiệp ông bà để lại.

*

Năm Quý Sửu (1913) có vụ Phan Phát Sanh làm "Cách mạng". Phan Phát Sanh tự Lạc, năm ấy, vừa hai mươi tuổi, con của Phan Núi làm cảnh sát trong Chợ Lớn. Lúc nhỏ không ham ăn học, lớn ở bồi cho Tây, bỗng xưng Phan Xích Long, tự mình cho là "Đông cung", con vua Hàm Nghi, sắm mão và dây đai vàng, tự tôn làm "Hoàng đế", lập đảng kín, chế tạo lựu đạn trái phá, in trát dán khắp chợ Sài Gòn, Chợ Lớn, Bình Tây kêu gọi dân nổi dậy chống Pháp. Việc làm như giả ngộ (giả bộ) chưa chi đã bị lậu sự, bắt bớ lung tung. Phan Xích Long bị cò Tây

bắt tại Phan Thiết, còng giải về Sài Gòn. Đồng đảng, cả thảy bị bắt một trăm mười một người, đem ra Tòa Áo Đỏ xử từ mồng năm đến mười hai tháng mười một dương lịch 1913, tha bổng năm mươi bốn người, kêu án năm mươi bảy người, nặng hơn hết là án chung thân khổ sai sáu người: Phan Xích Long, Nguyễn Tri , và Nguyễn Hiệp, án hiện diện, còn ba người Nguyễn Màng, Trương Phước và Nguyễn Thọ trốn thoát không bắt được, bị án khiếm diện. Ba người nầy bị giam Khám Lớn Sài Gòn, làm chấn động giới giang hồ mã thượng. Qua năm Bính Thìn (1916), giữa trận Âu Châu đại chiến (1914-1918) bên trời Tây, Tây thua xiểng liểng thì đêm mười hai tháng Giêng âm lịch, đảng kín "Thiên Địa Hội" tổ chức cuộc phá khám cứu các "đại ca" ra khỏi vòng lao lý. Ban đầu rất nhiều thuyền ghe nhỏ tứ xứ đến đậu chen nhau dưới gầm cầu móng Khánh Hội, đến ba giờ khuya là khởi sự. Dưới khẩu hiệu "đại ca", các đồng đảng thảy đều uống bùa, cổ mang phù chú, tay cầm gươm mác, kéo lên phá Khám Lớn Sài Gòn. Dao nói chuyện với súng làm sao lại, bùa chú chống đạn chỉ có hiệu lực trong trí óc người mê tín. Sự thực thì hai người bị bắn chết tại cửa Khám Lớn, bốn người bị rượt theo bắn ngã tại Xóm Dầu trong Chợ Lớn. Đồng đảng, bất cứ đàn ông đàn bà ai mặc áo đen quần trắng, buổi sáng ấy và lẩn quẩn xóm tình nghi là bị bắt nhốt khám và đem ra xử ở Tòa Đại Hình. Kết cuộc: ba mươi tám người bị xử tử tại Đồng tập trận và bắn ngày hai mươi tháng hai năm 1916, mười ba người bị xử bắn ngày mười sáu tháng ba năm

1916, kể luôn hai người đêm phá khám tử chiến tại trận tiền và bốn người bị hạ sát tại Xóm Dầu, thì cuộc phá khám năm 1916 đã khiến năm mươi bảy vị "anh hùng" tên ghi vào sử thây bị vùi chôn "Đất Thánh Chà" đường Hiền Vương (Võ Thị Sáu), cho đến mới đây nghĩa địa nầy bị ban phá ra bình địa xây xóm nhà anh em lao động tài xế, đô thành, mồ mả xiêu lạc mất tích luôn, nhưng danh thơm còn mãi trong trí óc người yêu nước.

Giới người bất đắc chí trổ sanh nghề lạ thì trước có Tư Mắt, sau có Thầy Sáu Ng.

Tư Mắt, tên thiệt là Nguyễn Văn Trước, sanh tiền có lập một tiệm hớt tóc, số nhà 200 đường Thủy binh cũ (nay đường Đồng Khánh) lấy hiệu là "Nam Hữu Mai". Ngày mười bốn tháng năm năm 1915, Tòa đem Tư Mắt ra xử, kể lai lịch Tư Mắt có đến ba vợ, đều phục sự "Anh Tư" hết lòng, và vô số anh em. Tòa khép Tư Mắt vào tội "gia nhập hội kín ám trợ Cường Để", kêu án lấy chừng, kỳ trung Tư Mắt bắt chước theo gương Đơn Hùng Tín trong truyện *Thuyết Đường:* phàm trong đám du côn đứa nào đã chịu làm em của "Đại ca Tư Mắt" thì đại ca không khi nào bỏ, "hoạn nạn tương cứu, sanh tử bất ly", không tiền đại ca cho tiền; không áo, đại ca cho áo; thậm chí khi bị tù rạc thì có người nuôi ăn và cung cấp thuốc, bánh. Nhưng khi nào đại ca cần dùng ra lịnh thì phải tuân hành, chết sống không kể thân, sai biểu chém ai, giết ai là chém giết bất luận bà con thân thích. Tư Mắt đi đến tỉnh nào xứ nào là em út rần rần, đứa theo ủng hộ, đứa đến trình diện bái nghinh đại ca. Tư Mắt bước vào quán nước nào thì người

khác hội nên lui chân, hàng em út tha hồ gọi bánh gọi mì vì đã có đại ca bao trả. Nhưng phải nhớ "ăn của anh Tư thì sau nầy có việc chớ khá so đo cùng anh Tư"! Lính tráng kiêng dè nể mặt, cò bót miệng ngậm sáp cũng làm lơ. Lịnh sai nã trốc đã ra mà tìm không có ai dám ra ta sanh cầm Tư Mắt, không khéo có ngày mang thẹo, ăn dao của hàng em út anh Tư. Tuy vậy hết hồi vinh rồi đến hồi xuống dốc. Về sau Tư Mắt ăn năn vào chùa "Giác Lâm" Chợ Lớn lần chuỗi bồ đề tụng kinh sám hối.

Thầy Sáu Ng. thì khác. Thầy mua Pháp tịch, lấy tên Tây là Paul D. để rủi thời xộ khám thì được đãi hàng đặc biệt, liệt hạng phạm nhơn Âu tịch. Về sau chạm phải viên chưởng lý Lafrique, Paul D. bị thâu chức dân Tây. Thầy làm nghề chứa bạc khắp vùng Sài Gòn Chợ Lớn, cao lâu khách sạn phải nhờ thầy Sáu (kép ủng hộ) thì mới mong hốt me sổ đề không bị bắt hoặc bị phá đám giựt tiền. Thầy Sáu tổ chức rất chu đáo. Mỗi tuần, thầy sai người thân tín đem bao thơ lo lót trao tay đến tận nhà. Cứ đếm một tuần nhựt "chơi" mấy ngày là trả "tiền súp". Bữa nào không chơi được thì gọi "ngày ấy *hôi*", miễn trả tiền. Trả từ trên xuống dưới và trả từ dưới lên trên ông xếp, ông chủ sự phòng, ông thông, ông ký, thầy đội chạy giấy, chú cai gác đường, anh lính tay trơn cũng "ẵm tiền" thầy Sáu, nên mỗi khi có lịnh trên đưa xuống dạy đi "bắt bài thầy Sáu chứa" thì Thầy đà hay trước, hay gấp mấy lần: hay bằng ông xếp báo tin, hay bằng đội, cai, bếp, lính, mỗi người nắm được giấy "mật lịnh" là lật đật gõ cửa "nhà người ngồi không chia của" để giội tin sốt dẻo. Giữa các người thọ của hối và thầy Sáu, còn một anh lợi hại là tên

cỡi xe đạp chở bao thơ đi phát từng nhà. Mỗi tuần anh chận lận "lấy lên"(1) của mỗi ông chút ít, mà nào ai hay biết, có biết chăng là những tay hốt cái sòng me vì thấy anh ta vẫn có tiền cúng mỗi ngày mà không hầy hấn. Thầy Sáu vẫn nghi nhưng vẫn ép lòng dùng đứa tớ bất lương nhưng tinh xảo, các ông vẫn biết, biết mình bị *trút lọp* (2) mỗi tuần hay ít nữa một đôi tuần bị một lần, nhưng biết thì biết vậy chớ miệng nào kêu mà kêu với ai?

Nhắc đến Lafrique là nhớ đến ông chưởng lý mặt sắt "Thiết diện vô tư", giới bất lương đều ngán và kiêng sợ. Thế mà có một lần họ La vẫn bị qua mặt cái vù mà không hay biết, và bị một quan Việt bán đứng không ngờ.

Sự cớ như vầy:

Thầy Sáu bị họ La bắt về tội chứa me cho vào tù một lúc; lúc ra khám được rồi, thầy treo giải thưởng: "ai giỏi tài cám dỗ cho cá ăn câu, cho họ La để thầy tự do chơi ít lâu, thì thầy đền ơn người ấy: tiền thưởng mặt mười ngàn đồng bạc lớn, riêng mỗi ngày miễn "chơi thả cửa không ai bắt" là có tiền xúp rắc rắc một trăm đồng ngày ấy, nguyện không sai lời. (Thuở đó, thống đốc Nam Kỳ lương chưa đến ba ngàn bạc). Và có một Thống Đốc từng phân bì ăn

---

(1) Thành ngữ "lấy lên" nghe lạ tai và đã có người lầm với "lấy lén"; nhưng "lấy lên" có nghĩa riêng của nó, tức chận lận ăn xớt, ăn bớt, ăn xén lớp trên mặt. V.H.S

(2) Trút lợp hay *đổ lọp* nghĩa đen là lấy, trút đổ cá trong lọp ra, (Trong Nam, lọp là đồ dùng bắt cá đươn bằng tre, giống cái bọng, hai đầu đặt hai cái toi (hom) cá chui vào trở ra không đặng), nghĩa bóng "trút lọp" là ăn chận, bắt cá trộm trước của người. Hưởng nước nhứt cục cưng của người ta cũng là *trút lọp!*

ít hơn viện cò xếp Chợ Lớn, vì lễ mễ lì xì của Tàu cho cò vô số đếm. Như vậy bạc một trăm mỗi ngày, tính ra nhằm một tuần bảy bữa: 100$ x 7 = 700$, và mỗi tháng hai mươi tám ngày, là 100$ x 28 = 2.800$. Trong khi ấy, viên chánh tham biện Tây gần về hưu, nhứt hạng tham biện, lương tháng chín trăm và viên đốc phủ sứ đặc hạng, lương tháng hai trăm năm chục đồng. Vì ham số bạc kếch xù, mà cũng bấy lâu thua me sòng thầy Sáu thâm thủng lần hồi vô phương cạy gỡ, vay hỏi bạc Chà không được nữa nên có một ông Quận, ngồi cai trị một vùng có tiếng là xứ cao su tốt nhứt trong Nam, ông ta nghĩ ra một diệu kế. Ông biết họ La có đồn điền trong quận mình, nên một hôm xuống lãnh mạng với thầy Sáu giao kết ngày ấy, tháng ấy, thầy Sáu cứ mở công khai sòng me tại số... đường... trong Chợ Lớn, nếu không ai làm khó dễ thì thầy phải giữ lời trao cho ông số bạc mười ngàn. Liền khi ấy, còn tiền thưởng mỗi ngày một trăm hẹn hậu nhựt tri. Thầy Sáu ưng chịu. Đến ngày hẹn, thầy dẫn cái ngành thầu (ngân đầu) đến chỗ do ông Quận chỉ, kẻ trải chiếu, người cầm chén hốt me, tay con đặt rần rần trọn buổi tối, từ đỏ đèn đến khuya, thiên hạ vô ra nườm nượp không khác nào nhà xéc (Cercle), có ba tăng, thế mà lính tráng, biện Tây không một ai nói nửa lời. Thầy Sáu mừng rỡ ra mặt, xỉa tiền thưởng mười ngàn không tiếc, mà mừng hơn ai cả, là ông Quận, ông chờ sẵn tự hồi nào, ông thộp số bạc nhét vào túi ngon lành, lên xe đi một nước, không cần đếm, lại còn dặn với thầy Sáu hãy tiếp tục đi rồi sẽ hay.

Thầy Sáu quen mửng (lối) cũ, qua ngày sau, còn mời thêm các tay sộp cho sòng me thêm cụp lạc. Đợi tay con

đông đủ, chủ sòng đương "nhập thần", me đang xí mứng (vô cuộc) ngon lành, thì lính cò ụp tới xỏ xâu dắt về bót, chỉ thiếu mặt chủ chứa, nhưng thầy Sáu đã có người hy sinh ra chịu tội thế. Té ra ông Quận quả là diệu thủ. Ngày trước ông mời họ La đến nha môn đãi cơm thết rượu. Họ La vị lòng, vẫn cần dùng ông Quận để coi chừng coi đổi sở vườn và nhờ chăm nom ba "thằng cu li", đừng cho chúng nó trốn hoặc bỏ sở, bởi thế nên khi nghe ông Quận ngỏ lời thiết yếu xin ông ban đặc ân nhơn ngày giỗ tổ tiên trong Chợ Lớn, tại căn nhà của nhạc phụ, số... đường... đúng vào ngày thứ bảy tuần tới, ngày ấy "có anh em bà con cô bác tề tựu đông người và có đánh bài ăn thua nho nhỏ cho vui đám", họ La nghe chưa dứt lời đã gật đầu lia lịa, về nhà còn không quên căn dặn cò bót đến ngày giờ đã định đừng quấy rầy ngày giỗ tổ tiên của người ta, nhưng chỉ ngày thứ bảy đó thôi, vào ngày khác có xảy ra việc gì thì cứ phận sự thi hành. Bởi rứa nên việc hôm sau thầy Sáu đành ôm hận vào lòng, tuy thất bại nhưng đối với thầy, như bù mất cắn voi, nào thấm tháp chi thầy, hòng sợ!

Kể về thế lực, thầy Sáu không làm quan, làm làng mà oai vệ hơn quan làng bá bội. Chiều chiều, thầy ngồi xe hơi "sáu máy", tài xế chánh và tài xế phụ đều vận y phục có lon chạy chỉ thêu, thầy rảo một vòng Chợ Lớn lấy tiền xâu, thầy ghé cao lâu nào thì y như hẹn trước, tài phú kéo ngăn tủ lấy bạc ra nạp không sai một xu nhỏ. Có khi thầy cao hứng lên lầu cầm chén "xổ cái" giải muộn, mấy khi như vậy, các tay hổ kha (con bạc) đặt thả cửa, nếu thầy thua có chủ tiệm bao thầu chung trả đủ rồi sau sẽ tính toán với thầy. Mà cờ bạc như sòng thầy Sáu, ai lại không

ưa. Trước khi bày ra Đại Thế Giới, mấy mươi năm về trước, mà thầy đã sắp đặt hẳn hòi. Tiệm chủ cao lâu nào do thầy tổ chức chỗ chơi, thì đèn đỏ đèn xanh báo hiệu đàng hoàng, lính tráng hoặc du côn, bợm bãi không thế nào trèo lên lầu được mà hòng phá phách. Chỗ chợi, khách vừa bước vào là đã có người đến dâng nước đá, nước cam giải khát; mì cháo tha hồ muốn dùng cứ gọi tửu bảo hầu sáng (1) đem lên, khỏi trả tiền, thêm sẵn bàn đèn mời mọc, sập gụ bóng trơn, muốn giải phiền mấy điếu mấy ngao, cũng có đủ người, đủ chỗ cung cấp, thậm chí có người quá tham, thừa dịp nằm gần bàn đèn tiêm tiêm, nướng nướng, nhét á phiện đầy hộp kalmine để đem về nhà hút sướng thân khỏi tốn tiền, việc như vậy mà cũng không ai chỉ trích, chiêu hiền đãi sĩ đến thế là cùng! Cờ bạc thì không đánh đặt bằng tiền mặt, vì dầu thế nào cũng phải đề phòng để nếu khi bị bắt thì dễ chạy án; trong sòng sát phạt ăn thua với nhau bằng "nút chí" hoặc bằng chiếc đũa, tùy màu sắc khác nhau, nút chí kể là bao nhiêu đồng, chiếc đũa tùy màu sắc, là mấy chục mấy trăm, tùy giao kết trước. Khách thôi chơi bước xuống lầu đến bàn tài phú, trao các vật ấy là có đủ số bạc, không sai chạy xu nào cả.

Có khi thầy Sáu ngồi nhà hàng uống rượu khai vị hoặc để nghe em út phúc trình chỗ nào chơi, chỗ nào dẹp, chỗ nào có người phá đám, hoặc cũng để khoe cô nhân

(1) Hầu sáng: Hậu sanh (bồi bàn) *Phổ ky:* hỏa kế, (Luôn tiện chép luôn, thuở xưa có thứ rương để hút á phiện lúc đi đường, gọi hòm *phù sẩu*, tức hòm hộ thủ (thuật theo lời cụ Vi Huyền Đắc) (V.H.S)

tình mới sấm! Lối ăn mặc của thầy rất kỳ dị, nửa dọn bàn, nửa mấy ông, mấy thầy. Buổi sáng thấy thầy diện bộ tussor (vải tơ tằm) bén ngót, buổi chiều thầy tra bộ "quàng đông" hàng Bắc Thảo, chơn đi giầy escarpin! Một hôm thầy mặc y phục lụa đen, đơm sáu nút óng ánh là sáu hột kim cương lớn cỡ đầu ngón tay út. Thầy đến gõ cửa phòng nhà ngủ Bá lạc góc đường Lê Công Kiều Chợ Mới, để nhờ thầy Tư Nên xem số tướng. Tư Nên lúc ấy đang nổi danh, thoạt trông diện mạo thầy, Tư Nên cũng phải giả vờ chước mệt mỏi xin hẹn qua ngày sau sẽ đến nhà đoán vận mệnh luôn cả hai ông bà mới chắc chắn hơn. Sau, thầy Tư nói riêng với tác giả bài này (V.H.S) rằng sở dĩ hôm ấy thầy không dám trổ tài, là vì thoạt tiên thầy thấy một người mặt mày dữ tợn, ăn mặc khác thường, trong ý Tư Nên định: nếu đó là "ăn cướp sát nhơn" thì sau chưa ngồi tù, còn nếu đó là "trưởng giả phú hào" thì sao hình thù tướng mạo lạ lùng đến thế? Tư Nên đưa khách ra cửa, nhớ số xe nên nhờ người hỏi xa phu (tài xế) biết được đích thị đó là thầy Sáu Ng. Qua ngày kế đó, Tư Nên đến nhà xem cả chỉ tay hai vợ chồng thầy Sáu, và nhờ biết trước, nên đoán không sai một mảy. Nào số thầy ngồi không chia của, tướng Đơn Hùng Tín đời Đường. Nào năm tới đây, chỉ tay thầy đứt đoạn ở đường sanh mạng, lẽ đáng năm tới thầy bỏ mình. Nhưng may sao tay của vợ thầy không có số chết chồng, nên đổi lại năm tới đây thầy và cô sẽ cách mặt nhau, hoặc nhẹ thì do một cuộc đi chơi xa. Đông du, Tây du nào biết, hoặc nặng thì thầy ngục hình tù tội; Tư Nên nói rất nhiều, thầy Sáu khen lấy khen để, và về sau, nghiệm ra không sai một lời, quả

nhiên Tư Nên là bậc kỳ tài trong khoa tướng số. Thầy Sáu sau này bị kẻ khác mạnh thế lực hơn giành nghề thêm hết thạnh đến suy, về già thầy đánh đâu thua đó, lại bị bạn hữu trở mặt cướp một số tiền to tát, nên thầy bán cả hai nhà lầu xinh đẹp, và tỵ trần trong nhà dưỡng lão gần Sài Gòn. Em út, như bồ câu hết lúa, không một đứa nào cho thầy thấy mặt lúc lâm chung.

Tác giả bài này được mục kích năm 1927 - 1928, một vụ thầy Sáu xử kiện và lên án đày lưu một chú chệc chuyên môn đổ tam hường lận (ăn gian).

Bà Phán K. đến xẹc (cercle) của thầy Sáu trong Chợ Lớn. Nơi đây, mỗi đêm có sòng tam hường ăn thua mỗi thẻ hường là năm đồng. Chú chệc tráo hột, ăn bà K. sạch túi, hơn ba ngàn bạc. Sau có người mách mánh lới gian, đưa bà K. đến thưa sự tại nhà thầy Sáu. Thầy lật đật sai em út quần khắp chợ Bến Thành và trong Chợ Lớn, may sao gặp được chú, lập tức mời chú đến nhà riêng của thầy, có cả bà Phán đối nại và đủ các tay em út thính lịnh. Thầy Sáu ra hỏi kỹ càng, xét quả đúng như lời bà K. than phiền. Thầy xử chú phải trả đủ số bạc gian lận cho bà K. Trả rồi, thầy lên án: "Sòng bài của xẹc tôi tổ chức ăn thua sòng phẳng. Bà Phán đây tôi vẫn kính trọng là anh, là chị của tôi. Nay nhà ngươi đến phá đám. Tội ngươi nặng lắm, nhưng nể lời bà đã xin tha, thì tôi cũng tha cho làm phước, duy tự hậu, tôi cấm nhà ngươi tốt hơn đừng léo hánh tới Chợ Bến Thành, đất Sài Gòn và nhà xẹc của tôi. Em út, nghe dặn: "Đứa nào gặp mặt hắn ở đâu thì "mần" hắn cho tôi. Có hề chi tôi chịu!" Lạy lục cách mấy cũng không xiêu lòng, chú đành cuốn gói trở về Nam Vang

hành nghề. Thuở đó, tòa Pháp lưu đày còn có thể ẩn trốn trở về. Rủi ro bị bắt, bất quá ngồi tù ít lâu. Với thầy Sáu, không được như vậy. Như thuở kia đối với Tư Mắt, thầy Sáu có em út thừa hành phận sự, hễ không cho ở được một chốn nào thì chỉ có nước phải tuân lịnh thầy thì mới mong bảo toàn sanh mạng; cãi lịnh, đoàn em út thầy Sáu "ăn thịt" có ngày.

Thầy Sáu còn có phương pháp nuôi em út cũng ngộ Tùy đứa, tùy tài, thầy dùng theo chỗ: đứa gác đường, đứa giữ cửa, đều có phận sự và có lương ăn. Gặp khi túng bấn hữu sự, em út đến xin tiền, thầy Sáu chỉ ngay giỏ giấy bạc cũ rách và thiếu miểng, thiếu góc, do tiền hồ, tiền xâu dư lại. "Đó! mặc ý. Đứa nào ráp mót được bao nhiêu thì lấy đem về mà xài!". Đôi bên đều thỏa thuận như vậy, nhưng than ôi, giấy còn khá khá, giấy ít hao đã được o bế từ đêm trước kia rồi, nhà thầy Sáu có nuôi một bộ Ba Tàu chăm nom và đếm giấy bạc, có thua gì nhà băng!

Kể về bộ quân sư của thầy Sáu cũng tài tình lắm. Thuở đó, một học giả (vừa mới mất), ông chuyên viết báo, và Pháp văn của ông rất đanh thép, rất mực phong lưu, nhà viết báo Pháp Maurice Monribot đã từng bái phục, ví văn ông như văn Anatole France pha mùi Buffon. Ông làm chủ nhiệm một tờ tuần báo rất được đồng bào chú ý. Ông bình sanh rất thích xem đánh võ đài và có tánh ưa đến gần mê xe hơi kiểu mới lạ, máy êm, chạy lẹ. Thú tiêu khiển của ông là hằng ngày, ăn vận chỉnh tề, ngồi ngay ngắn băng sau, để tài xế đưa đi dạo phố phường, bến tàu, lăng Cha Cả. Nhưng tánh ông rất ghét bài bạc và bổn tánh rất thanh liêm thẳng thắn. Nghe thầy Sáu chứa bài

nơi đâu là số báo sau có ít hàng của ông chỉ trích. Thầy Sáu sợ lắm và nộp quá, mượn người tin cậy đến nước quy hàng và xin nạp ông mỗi tuần một số bạc to tát. Nhưng không bao giờ ông khứng hạ mình lãnh số tiền nhơ nhớp ấy. Thầy Sáu dăm chiêu nhưng cũng chẳng biết làm sao. Cách ít lâu, ông muốn sắm xe hơi, nên đăng báo tìm cách bán xe cũ. Một chú Ba Tàu đến ưng mua với một giá cao hơn giá ông định khá nhiều. Ông mừng thầm trúng mối và vui lòng bán xe, thơ thới và khoan khoái như một quân tử làm một việc thanh thiên bạch nhựt.

Ông vẫn y như cũ, thẳng tay "bố" thầy Sáu nếu dịp đưa đến. Nhưng ngờ đâu, kỳ thầy Sáu chứa bài sau vụ ông bán xe, ông đành ngơ mắt, giả đui, giả điếc, vì vừa dợm viết thì mặt thằng Ba Tàu ló ra: *Hè! Tội nghiệp mà! Ngộ đâu có tiền mua xe của ông! Mua xe của ông, hè, là tiền của thầy Sáu lớ!*